Bảng ?? Đặc tả usecase đăng ký

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Đăng ký | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi người dùng cần vào hệ thống | |
| **Mô tả** | Người dùng đăng ký một tài khoản để có thể truy cập vào hệ thống | |
| **Tác nhân** | Admin, nhân viên bán hàng, kế toán, quản lý, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đăng ký tài khoản | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website. | |
| **Kết quả** | Người dùng đăng ký thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn mục “Đăng ký tài khoản”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký. |
| 2. Người dùng nhập các thông tin cần thiết | 2.1 Hệ thống xác nhận các thông tin của người dùng |
| 3. Người dùng ấn nút “Đăng ký”. | 3.1. Hệ thống xác nhận đăng ký thành công và chuyển đến trang đăng nhập |
| **Ngoại lệ** | Người dùng nhập thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ yêu cầu người dùng nhập lại | |

Bảng ?? Đặc tả usecase đăng nhập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Đăng nhập | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng ký tài khoản trên hệ thống. | |
| **Mô tả** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng của hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Admin, nhân viên bán hàng, kế toán, quản lý, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đăng nhập vào hệ thống | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Tài khoản người dùng đã được đăng ký trên hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng đăng nhập thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn mục “Đăng nhập vào hệ thống”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập. |
| 2. Người dùng nhập username và password. |  |
| 3. Người dùng ấn nút “Đăng nhập”. | 3.1. Hệ thống hiển thị các chức năng của người dùng. |
| **Ngoại lệ** | Người dùng nhập sai username và password, hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

Bảng ?? Đặc tả use case đăng xuất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Đăng xuất. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Người dùng đăng xuất tài khoản ra khỏi hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Admin, nhân viên bán hàng, kế toán, quản lý, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đăng xuất khỏi hệ thống. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng đăng xuất thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn mục “Đăng xuất”. | 1.1. Hệ thống hiển thị thông báo “tài khoản đã được đăng xuất” và hiển thị lại trang đăng nhập. |
| **Ngoại lệ** | Không. | |

Bảng ?? Đặc tả use case thay đổi mật khẩu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Thay đổi mật khẩu. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Người dùng thay đổi mật khẩu khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Admin, nhân viên bán hàng, kế toán, quản lý, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thay đổi mật khẩu. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng thay đổi mật khẩu thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn mục “Thay đổi mật khẩu”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thay đổi mật khẩu. |
| 2. Người dùng nhập mật khẩu cũ, mật khẩu mới, xác nhận mật khẩu mới. |  |
| 3. Người dùng nhấn nút “Xác nhận”. | 3.1. Mật khẩu mới được cập nhật thành công trên hệ thống. |
| **Ngoại lệ** | + Mật khẩu mới trùng với mật khẩu cũ.  + Mật khẩu mới không đạt yêu cầu: không đủ 8 ký tự, không có ký tự viết hoa, không có ký tự đặc biệt.  + Nhập mật khẩu cũ không chính xác.  + Nhập khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới không trùng khớp.  => Hệ thống reset trang và yêu cầu nhập lại. | |

Bảng ?? Đặc tả usecase tích điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Tích điểm | |
| **Ngữ cảnh** | Người dùng tích điểm | |
| **Mô tả** | Khi mua hàng, khách hàng sẽ nhận được điểm thưởng trên hệ thống. Khách hàng sử dụng điểm thưởng để nhận được các ưu đãi. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tích điểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | +  + | |
| **Kết quả** | Tích điểm thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả usecase đổi điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Đổi điểm | |
| **Ngữ cảnh** | Người dùng đổi điểm | |
| **Mô tả** | Khách hàng sử dụng điểm thưởng từ các lần mua hàng để nhận được những ưu đãi. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đổi điểm | |
| **Điều kiện tiên quyết** | +  + | |
| **Kết quả** | Đổi điểm thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả usecase quản lý nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Quản lý nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý nhân viên | |
| **Mô tả** | Admin quản lý các thông tin của nhân viên | |
| **Tác nhân** | Admin | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý nhân viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Admin truy cập vào được website  + Admin đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Kết quả** | Đăng nhập vào giao diện quản lý nhân viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Admin chọn mục “Quản lí nhân viên” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên |
| **Ngoại lệ** | Không | |

Bảng ?? Đặc tả usecase thêm nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Thêm nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Thêm nhân viên | |
| **Mô tả** | Thêm thông tin của nhân viên mới vào hệ thống | |
| **Tác nhân** | Admin | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thêm nhân viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Admin truy cập vào được website  + Admin đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Kết quả** | Thêm nhân viên thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Admin chọn mục “Quản lí nhân viên” | 1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên |
| 2. Admin chọn mục “Thêm nhân viên” | 2. Hệ thống hiển thị giao diện thêm nhân viên |
| 3. Admin nhập các thông tin của nhân viên cần thêm vào giao diện | 3. Hệ thống xác nhận các thông tin |
| 4. Nhân viên quản lý nhấn nút “Thêm” | 4. Thông tin của học viên hoặc giảng viên được thêm vào hệ thống |
| **Ngoại lệ** | Admin nhập sai hoặc thiếu thông tin nhân viên => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

Bảng ?? Đặc tả usecase xem nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Xem nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Xem nhân viên | |
| **Mô tả** | Admin xem thông tin của nhân viên | |
| **Tác nhân** | Admin | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem nhân viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Admin truy cập vào được website  + Admin đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Kết quả** | Admin truy cập thông tin nhân viên thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Admin chọn mục “Quản lý nhân viên”. | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên |
| 2. Admin chọn xem nhân viên | 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các nhân viên |
| **Ngoại lệ** | Không | |

Bảng ?? Đặc tả usecase xóa nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Xóa nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Xóa nhân viên | |
| **Mô tả** | Admin xóa thông tin của nhân viên ra khỏi hệ thống | |
| **Tác nhân** | Admin | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý điểm học viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Admin truy cập vào được website  + Admin đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Kết quả** | Admin xóa thông tin nhân viên thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Admin chọn mục “Quản lý nhân viên” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên |
| 2. Admin chọn xem nhân viên | 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các nhân viên |
| 3. Admin chọn nhân viên muốn xóa, sau đó nhấn nút “Xóa” | 3. Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa |
| 1. Admin chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa | 4. Thông tin của nhân viên được xóa khỏi hệ thống |
| **Ngoại lệ** | Trong cảnh báo xác nhận xóa, admin chọn “Không” -> thao tác xóa nhân viên bị hủy | |

Bảng ?? Đặc tả use case chỉnh sửa nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Chỉnh sửa nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Chỉnh sửa nhân viên | |
| **Mô tả** | Sửa dữ liệu của nhân viên trong hệ thống | |
| **Tác nhân** | Admin | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Sửa thông tin nhân viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Admin truy cập vào được website  + Admin đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Kết quả** | Sửa thông tin nhân viên thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Admin chọn mục “Quản lý nhân viên” | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên |
| 2. Admin chọn xem nhân viên | 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin các nhân viên |
| 3. Admin chọn nhân viên muốn chỉnh sửa thông tin | 3. Hệ thống hiển thị các thông tin của nhân viên |
| 4. Admin sửa các thông tin cần thiết, sau đó nhấn xác nhân | 4. Thông tin của nhân viên được cập nhật |
| **Ngoại lệ** | Admin nhập sai hoặc thiếu thông tin => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

Bảng ?? Đặc tả use case đặt hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Đặt hàng | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý đặt thêm hàng hóa | |
| **Mô tả** | Quản lý đặt thêm hàng hóa | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đặt hàng | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Quản lý đặt hàng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case hủy đặt hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Hủy đặt hàng | |
| **Ngữ cảnh** | Quản lý hủy đơn đặt hàng hóa | |
| **Mô tả** | Quản lý hủy đơn đặt hàng hóa | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Hủy đặt hàng | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Quản lý hủy đặt hàng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case quản lý kho

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Quản lý kho | |
| **Ngữ cảnh** |  | |
| **Mô tả** |  | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** |  | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case thêm hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Thêm hàng hóa | |
| **Ngữ cảnh** |  | |
| **Mô tả** |  | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** |  | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case xem hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Xem hàng hóa | |
| **Ngữ cảnh** |  | |
| **Mô tả** |  | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** |  | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case sửa hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Sửa hàng hóa | |
| **Ngữ cảnh** |  | |
| **Mô tả** |  | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** |  | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |

Bảng ?? Đặc tả use case xóa hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã use case** | UC?? | |
| **Use Case** | Xóa hàng hóa | |
| **Ngữ cảnh** |  | |
| **Mô tả** |  | |
| **Tác nhân** | Quản lý | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Quản lý truy cập vào được hệ thống.  + Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** |  | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |  |
| **Ngoại lệ** |  | |